BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 18 /CNĐKTN-BXD	*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Xây dựng chứng nhận:

1. Tên tổ chức đăng ký: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM ĐỊNH VINACONTROL**

Địa chỉ: Số 54 Trần Nhân Tông - phường Nguyễn Du, quận Hai bà Trưng - Thành phố Hà Nội (Điện thoại: 0243.9448089, Fax: 0243.9449011, Email: vnce@vnce.vn)

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với ngành xây dựng trong lĩnh vực sản phẩm vật liệu xây dựng phù hợp tiêu chuẩn theo Phụ lục kèm theo.

2. Số đăng ký: **02/TN/BXD**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quang Hùng

Nơi nhận:
- Tên tổ chức tại Điều 1;
- Bộ KH&CN;
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

PHỤ LỤC

LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo Giấy chứng nhận số:18.. /CNĐKTN-BXD, ngày 15 /01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
1.	**Xi măng poóc lăng; Xi măng poóc lăng hỗn hợp; Xi măng poóc lăng trắng; Xi măng Alumin;Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt; Xi măng poóc lănghỗn hợp ít tỏa nhiệt; Xi măng poóc lăng bền sun phát; Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát; Clanhke xi măng poóc lăng**	
	- Cường độ nén; hoạt tính cường độ	TCVN 6016:2011; ISO 679:2009; TCVN 7569:2007
	- Thời gian đông kết	TCVN 6017:2015; ISO 9597:2008
	- Độ mịn	TCVN 4030:2003
	- Độ ổn định thể tích Le chatelier	TCVN 6017:2015; ISO 9597:2008
	- Hàm lượng; anhydric sunphuric (SO_3); canxi oxit (CaO); silic oxit (SiO_2); nhôm oxti (Al_2O_3); magiê oxit (MgO); canxi ôxit tự do (CaO_{td}); mất khi nung (MKN); cặn không tan (CKT); kiềm quy đổi (Na_2O_{qd}); C_3A; (C_4AF+ $2C_3A$); bari oxit (BaO)	TCVN 141:2008 TCVN 6820:2001 TCVN 6067:2004
	- Hệ số nghiền; - Xác định cỡ hạt; - Độ ẩm	TCVN 7024:2013
	- Độ nở autoclave	Phụ lục B TCVN 7711:2007
	- Độ trắng	TCVN 5691:2000
	- Thành phần khoáng	TCVN 6069:2007
	- Nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005
	- Khả năng giữ nước	Phụ lục A TCVN 9202:2012
	- Độ nở sun phát tuổi 14 ngày; Độ nở thanh vữa trong môi trường nước ở tuổi 14 ngày	TCVN 6068:2004
	- Độ bền sun phát	TCVN 7713:2007
2.	**Xi măng giếng khoan chủng loại G**	
	- Xác định các tính chất của xi măng giếng khoan chủng loại G	TCVN 7445-2:2004

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
3.	**Xỉ hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng**	
	- Hệ số kiềm tính K	TCVN 4315:2007 TCVN 141:2008
	- Chỉ số hoạt tính cường độ	
	- Hàm lượng magiê oxit (MgO)	
	- Lượng xỉ ở dạng cục	
	- Tạp chất đá, sỏi, than, đặc biệt là hợp kim sắt	
4.	**Tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng**	
	Tro bay dùng cho bê tông và vữa xây:	
	- Tổng hàm lượng oxit $SiO_2 + Al_2O_3 + Fe_2O_3$	TCVN 8262:2009
	- Hàm lượng canxi ôxit tự do (CaO_{td})	TCVN 141:2008
	- Hàm lượng lưu huỳnh, hợp chất lưu huỳnh tính quy đổi ra SO_3	
	- Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 8262:2009
	- Độ ẩm	
	- Lượng sót sàng 45µm	Phụ lục A TCVN 8827:2011
	- Lượng nước yêu cầu so với mẫu đối chứng	TCVN 8825:2011
	- Hàm lượng kiềm có hại (kiềm hoà tan)	TCVN 6882:2016
	- Hàm lượng ion clo (Cl^-)	Phụ lục E TCVN 8826:2011
	Tro bay dùng cho xi măng:	
	- Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 8262:2009
	- Hàm lượng SO_3	TCVN 141:2008
	- Hàm lượng canxi ôxit tự do (CaO_{td})	
	- Hàm lượng kiềm có hại (kiềm hoà tan)	TCVN 6882:2016
	- Độ ẩm	TCVN 8262:2009
	- Chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng	TCVN 6882:2016
5.	**Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng**	
	- Hàm lượng $CaSO_42H_2O$	TCVN 9807:2013
	- Hàm lượng: phospho pentoxide hòa tan (P_2O_5 hòa tan); phospho pentoxide tổng (P_2O_5 tổng); fluoride tan trong nước (F- hòa tan); fluoride tổng (F-tổng)	TCVN 11833:2017
	- pH, không nhỏ hơn	TCVN 9339:2012
	- Mức tăng lượng nước tiêu chuẩn so với xi măng đối chứng	TCVN 6017:2015; ISO 9597:2008

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Chênh lệch thời gian kết thúc đông kết so với xi măng đối chứng	TCVN 6017:2015
	- Độ ổn định thể tích Le chatelier	TCVN 6017:2015; ISO 9597:2008
	- Mức giảm cường độ nén so với xi măng đối chứng; - Mức giảm độ lưu động của vữa xi măng so với xi măng đối chứng	TCVN 6016:2011; ISO 679:2009
	- Mức ăn mòn cốt thép so với xi măng đối chứng; - Tính tương thích giữa xi măng và phụ gia giảm nước so với xi măng đối chứng	TCVN 11833:2017
	- Độ ẩm	TCVN 9807:2013
6.	**Phụ gia khoáng cho xi măng; Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa (silica fume- SF và tro trấu nghiền mịn –RHA); Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn**	
	- Chỉ số hoạt tính cường độ sau 28 ngày	TCVN 6882: 2016
	- Thời gian đông kết của vữa vôi - phụ gia	TCVN 3735-82
	- Hàm lượng tạp chất bụi và sét	TCVN 6882: 2016
	- Hàm lượng SO_3	TCVN 141:2008; TCVN 7131:2002
	- Hàm lượng kiềm có hại	TCVN 6882: 2016
	- Tổng hàm lượng oxit $SiO_2 + Al_2O_3 + Fe_2O_3$	TCVN 7131:2002
	- Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
	- Xác định hàm lượng MKN	TCVN 141:2008; TCVN 7131:2002
	- Xác định hàm lượng SiO_2	TCVN 141:2008
	- Lượng sót trên sàng 45µm	TCVN 8827: 2011
	- Lượng sót trên sàng 80 µm	TCVN 4030:2003
	- Chỉ số hoạt tính cường độ so với mẫu đối chứng; - Bề mặt riêng	TCVN 8827: 2011
	- Lượng nước yêu cầu	TCVN 8825: 2011
	- Độ nở Autoclave	
7.	**Phụ gia công nghệ cho xi măng**	
	- Xác định tính chất phụ gia công nghệ cho xi măng	TCVN 8878: 2011
8.	**Phụ gia hóa học cho bê tông**	
	- Độ sụt	TCVN 3106:1993
	- Lượng nước trộn tối đa so với đối chứng	TCVN 8826: 2011,

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Thời gian đông kết	ASTM C403-08
	- Hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:1993
	- Xác định cường độ nén	TCVN 3118:1993
	- Xác định cường độ uốn	TCVN 3119:1993
	- Hàm lượng ion clo (Cl-) khi dùng phụ gia hóa học	TCVN 8826: 2011, ASTM C403-08
	- Xác định tỷ trọng; - Xác định độ pH; - Hàm lượng chất khô; - Xác định hàm lượng tro; - Xác định khối lượng riêng của phụ gia lỏng	TCVN 8826: 2011
	- Xác định độ co ngót	TCVN 3117:1993
9.	**Kính nổi, kính kéo**	
	- Sai lệch chiều dày; - Khuyết tật ngoại quan; - Độ cong vênh; - Độ truyền sáng	TCVN 7219:2002
10.	**Kính cán vân hoa**	
	- Sai lệch chiều dày; - Khuyết tật ngoại quan; - Độ cong vênh; - Sai lệch vân hoa	TCVN 7219:2002 TCVN 7527:2005
11.	**Kính màu hấp thụ nhiệt**	
	- Sai lệch chiều dày; - Khuyết tật ngoại quan; - Hệ số truyền năng lượng bức xạ mặt trời	TCVN 7219:2002 TCVN 7529:2005
	- Độ bền nước	TCVN 1046:2004
12.	**Kính phủ phản quang**	
	- Sai lệch chiều dày và độ cong vênh của kính nền; - Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2002
	- Hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời; - Độ bền mài mòn; - Độ bền quang; - Độ bền axit; - Độ bền kiềm	TCVN 7528:2005
13.	**Kính phủ bức xạ thấp**	
	- Sai lệch chiều dày; - Độ cong vênh; - Độ biến dạng quang học; - Độ truyền sáng	TCVN 7219:2002
	- Khuyết tật ngoại quan; - Hệ số bức xạ; - Độ bền ẩm của lớp phủ cứng; - Độ bền hóa học của lớp phủ cứng; - Độ bền lớp phủ mềm với tác động bên ngoài; - Độ đồng đều của lớp phủ mềm	TCVN 9808:2013
14.	**Kính gương tráng bạc**	
	- Xác định các tính chất theo kính nổi	TCVN 7219:2002
	- Xác định các chỉ tiêu chất lượng của kính gương	TCVN 7625:2007

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
15.	**Kính phẳng tôi nhiệt**	
	- Dung sai chiều dày	TCVN 7219:2002
	- Độ cong vênh	
	- Khuyết tật ngoại quan	
	- Kiểm tra kích thước lỗ khoan, rãnh và cạnh cắt	TCVN 7455:2013
	- Ứng suất bề mặt kính	TCVN 8261:2009
	- Độ bền va đập bi rơi	TCVN 7368:2013; TCVN 7455:2013
	- Độ bền va đập con lắc	TCVN 7368:2013
	- Kiểm tra phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013
16.	**Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp**	
	- Dung sai chiều dày	TCVN 7219:2002
	- Độ cong vênh	
	- Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7364-6: 2004
	- Độ bền va đập bi rơi	TCVN 7368:2013
	- Độ bền va đập con lắc	TCVN 7368:2013
	- Độ bền chịu nhiệt độ cao	TCVN 7364-4: 2004
17.	**Kính lưới cốt thép**	
	- Sai lệch chiều dày; - Khuyết tật ngoại quan; - Độ cong vênh; - Độ xuyên quang; - Kiểm tra khuyết tật vân hoa và khuyết tật lưới thép	TCVN 7219:2002 TCVN 7456:2004
18.	**Kính hộp cách nhiệt**	
	- Kích thước; - Khuyết tật ngoại quan; - Điểm sương; - Độ kín; - Độ cách nhiệt toàn phần	TCVN 8260:2009
19.	**Đá dăm, sỏi, sỏi dăm**	
	- Xác định các tính chất của đá dăm, sỏi, sỏi dăm và cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	TCVN 7572-1÷20:2006
20.	**Cát nghiền cho bê tông và vữa**	
	- Xác định các tính chất của cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 7572-1÷20:2006 TCVN 9205:2012
21.	**Vữa xây dựng**	
	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; - Xác định độ lưu động của vữa tươi, độ chảy lỏng; - Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; - Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi;	TCVN 312- 1÷18:2003

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; - Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn; - Xác định cường độ uốn của vữa; - Xác định cường độ nén của vữa; - Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn trên nền; - Xác định hàm lượng ion clo hoà tan trong nước; - Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	
22.	**Vữa khô trộn sẵn không co**	
	- Xác định độ lan chảy vữa; - Xác định độ tách nước; - Cường độ chịu nén; - Xác định sự thay đổi của chiều dài vữa đã đóng rắn (độ co, nở); - Xác định thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết	TCVN 9204:2012
23.	**Vữa cho bê tông nhẹ**	
	- Xác định kích thươc hạt cốt liệu lớn nhất; - Xác định độ lưu động; - Xác định khả năng giữ độ lưu động; - Xác định thời gian bắt đầu đông kết; - Xác định cường độ nén - Xác định cường độ bám dính; - Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước; - Xác định thời gian điều chỉnh; - Xác định hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028:2011
24.	**Gạch đất sét nung**	
	- Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1÷8:2009
	- Xác định cường độ bền nén	
	- Xác định cường độ bền uốn	
	- Xác định độ hút nước	
	- Xác định khối lượng thể tích	
	- Xác định độ rỗng	
	- Xác định vết tróc do vôi	
	- Xác định sự thoát muối	
25.	**Sản phẩm bê tông bọt và bê tông khí không chưng áp; Sản phẩm bê tông khí chưng áp**	
	- Kiểm tra kích thước	TCVN 9030:2017
	- Khuyết tật ngoại quan	
	- Xác định cường độ nén	
	- Xác định độ hút nước	
	- Xác định khối lượng thể tích khô	

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Xác định hệ số dẫn nhiệt	
	- Xác định độ co khô	
	- Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	
26.	**Gạch bê tông**	
	- Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	- Xác định cường độ bền nén	
	- Xác định khối lượng viên gạch sau khi sấy khô	
	- Xác định độ rỗng	
	- Xác định độ hút nước	
	- Xác định độ thấm nước	
27.	**Gạch bê tông tự chèn**	
	- Kiểm tra kích thước	TCVN 6476:1999
	- Khuyết tật ngoại quan	
	- Xác định cường độ nén	
	- Xác định độ hút nước	
	- Xác định độ chịu mài mòn	
28.	**Gạch lát xi măng**	
	- Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan ; - Xác định độ hút nước gạch lát xi măng; - Xác định lực va đập xung kích gạch lát xi măng; - Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên gạch lát xi măng; - Xác định độ cứng lớp mặt gạch lát xi măng; - Xác định độ mài mòn	TCVN 6065: 1995
29.	**Gạch Granito**	
	- Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; - Xác định độ mài mòn; - Xác định độ chịu lực va đập xung kích; - Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
30.	**Xí bệt, tiểu nữ; Chậu rửa; Xí xổm**	
	- Xác định các chỉ tiêu của xí bệt, tiểu nữ; chậu rửa; xí xổm	TCVN 5436: 2006
31.	**Tấm thạch cao**	
	- Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon, độ vuông góc của cạnh; - Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi; - Xác định cường độ chịu uốn; - Xác định độ kháng nhổ đinh;	TCVN 8257-1÷8:2009 ASTM C473-07 ASTM C471M-16A TCVN 8654:2011;

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Xác định đô biến dạng ẩm; - Xác định độ hút nước; - Xác định độ hấp thụ nước bề mặt; - Xác định độ thẩm thấu hơi nước; - Xác định hợp chất lưu huỳnh dễ bay hơi; - Xác định hàm lượng nước liên kết và hàm lượng sunfua trioxit tổng số	
32.	**Vật liệu xử lý mối nối tấm thạch cao**	
	- Xác định tính chất vật liệu xử lý mối nối tấm thạch cao	ASTM C474-12
33.	**Khung trần treo tấm thạch cao**	
	- Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh, thử tải khung trần treo	ASTM C635-13
34.	**Gạch ốp lát; Gạch Mosaic; Đá ốp lát tự nhiên; Đá ốp lát trên cơ sở chất kết dính nhân tạo**	
	- Sai lệch kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt; - Độ hút nước; - Độ bền uốn; - Độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi; - Độ chịu mài mòn sâu (đối với gạch không phủ men); - Độ chịu mài mòn bề mặt (đối với gạch phủ men)	TCVN 6415-2÷18:2016; ISO-2÷18-10545; TCVN 4732:2007
	- Hệ số giãn nở nhiệt dài; - Độ bền sốc nhiệt; - Hệ số giãn nở ẩm; - Độ bền rạn men; - Độ bền băng giá; - Độ bền hóa học; - Độ bền chống bám bẩn	
	- Xác định độ thôi chì và cadimi của gạch phủ men; - Xác định sự khác biệt nhỏ về màu; - Xác định hệ số ma sát; - Độ cứng vạch bề mặt, tính theo thang Mohs ; - Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	
35.	**Gạch terrazzo**	
	- Ngoại quan và sai lệch kích thước; - Độ hút nước bề mặt; - Độ chịu mài mòn sâu	TCVN 7744:2013
	- Độ chịu mài mòn mất khối lượng bề mặt	TCVN 6065: 1995
	- Độ bền uốn	TCVN 6355-2:2009
	- Độ bền băng giá	Phụ lục B TCVN 7744:2013
	- Hệ số ma sát	PL A TCVN 6415-17:2016
36.	**Dung dịch bentonite**	

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Xác định khối lượng riêng; - Độ nhớt; - Xác định hàm lượng cát; - Tỷ lệ chất keo; - Độ pH; - Xác định hàm lượng nước mất; - Độ dày áo sét; - Tính ổn định	TCVN 9395:2012
37.	**Amiăng xi măng cri zô tin dùng để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng**	
	- Tính chất của sợi amiăng dùng chế tạo sản phẩm	TCVN 9188:2012
38.	**Tấm sóng amiăng xi măng**	
	- Kiểm tra ngoại quan và kích thước; - Tải trọng uốn gãy; - Thời gian xuyên nước; - Khối lượng thể tích	TCVN 4435:2000
39.	**Tấm xi măng sợi**	
	- Xác định kích thước, độ thẳng cạnh và độ vuông góc; ;- Xác định cường độ chịu uốn; - Xác định khối lượng thể tích biểu kiến; - Xác định độ co giản ẩm; - Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh; - Xác định khả năng chống thấm nước; - Xác định độ bền nước nóng; - Xác định độ bền băng giá; - Xác định độ bền mưa nắng	TCVN 8259-1÷9:2009
40.	**Nhôm và hợp kim nhôm dạng profile**	
	- Chất lượng bề mặt	TCVN 5838:1994
	- Kích thước, dung sai và hình dạng sản phẩm	TCVN 5840:1994 TCVN 5841:1994 TCVN 5842:1994
	- Độ bền kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 5839:1994
	- Độ dãn dài	
	- Độ cứng	TCVN 4392:1986; TCVN 5408:2007; ASTM A 153-09; BS ISO 1461:09
	- Chiều dày màng sơn	ASTM E376
	- Lớp màng oxy hóa	TCVN 5878: 1995
	- Thành phần hóa học	ASTM E 1251
41.	**Sản phẩm ống nhựa PVC-U, ống nhựa nhiệt dẻo (PP), HDPE, ống PPR, ống nhựa gân xoắn, ống PE**	
	- Hàm lượng chiết ra Chì từ hệ thống ống nhựa; - Hàm lượng chiết ra Cadimi; - Thủy ngân từ hệ thống ống nhựa	TCVN 6146:1996 TCVN 6140:1996
	- Kích thước, ngoại quan, độ ovan	TCVN 6145:2007, ISO 3126:2005,

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
		TCVN 7305:2008, DIN 8078:1996, DIN 8077:1999
	- Độ bền áp suất thủy tĩnh; Độ bền nhiệt bằng phép thử áp suất thủy tĩnh	TCVN 6149: 2007, ISO 1167:2006, ASTM D 1599-14, DIN 8078:1996, DIN 8077:99
	- Độ bền va đập	BS EN 140- 1:09, EN 744:1996, ISO 9854-1÷2 :1994, TCVN 6144:2003, DIN 8078:1996, DIN 8077:1999
	- Nhiệt độ hóa mềm vicat	TCVN 6147:2003, ISO 2057, BS EN 727:1995, ASTM 1525-09, BS EN 478:1995, EN ISO 306
	- Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007, BS EN 743:1995, ISO 2505:2005, DIN 8078:1996
	- Thử kéo một trục	TCVN 7434-1÷2:2004, ISO 2505:2015, ASTM D 638-14, ASTM D 3039-14; ISO 6259-1÷2
	- Độ căng khi đứt	TCVN 7434:2004, ISO 2505:2015, ASTM D 638-14, ASTM D 3039-14
	- Độ gel hóa	TCVN 7306; ISO 9852
	- Tốc độ dòng chảy theo khối lượng MFR	ISO 1133
	- Thời gian cảm ứng oxy hóa	ISO 11357-6
	- Thử nén biến dạng, độ cứng bằng ống nhựa nhiệt dẻo	TCVN 8850:2011(ISO 9969:2007), ASTM D 2241:09
	- Xác định các tính chất của ống nhựa gân xoắn	TCVN 9070:2012
	- Độ bền uốn, modun đàn hồi khi uốn	ISO 187:2010, ASTM D 790-03
	- Thử độ kín Ống PVC bằng áp suất thuỷ lực ngoài	TCVN 6041:1995
42.	**Ván gỗ nhân tạo**	
	- Độ trương nở chiều dày sau 24h ngâm	TCVN 7756-5:2007, ISO

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	trong nước của ván gỗ nhân tạo	24336:2005, BS EN 13329:2006, EN 317
	- Độ bền uốn tĩnh ván gỗ nhân tạo	TCVN 7756-6: 2007, EN 310
	- Xác định modun đàn hồi uốn tĩnh	TCVN 7756-6:2007, EN 310
	- Độ bền kéo vuông góc với mặt ván gỗ nhân tạo	TCVN 7756-7: 2007, EN 319
	- Hàm lượng focmanđêhyt theo phương pháp chiết tách ván gỗ nhân tạo	TCVN 7756-12: 2007, EN 717-2004
	- Xác định kích thước, độ vuông góc và thẳng cạnh	TCVN 7756-2:2007, EN 324-1,2
	- Xác định độ ẩm	TCVN 7756-3:2007, EN 322
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7756-4:2007, EN 323
	- Xác định độ bền ẩm	TCVN 7756-8:2007, BS EN 13329:2006, EN 321, EN 1087-1:1995
	- Xác định chất lượng dán dính của gỗ dán	TCVN 7756-9:2007, EN 314-1
	- Xác định độ bền bề mặt	TCVN 7756-10:2007, EN 13329:2009, EN 311
	- Xác định lực bám dính giữ đinh vít	TCVN 7756-11:2007, EN 320
43.	**Ván sàn gỗ nhân tạo**	
	- Chiều dày; - Chiều dài lớp bề mặt; - Chiều rộng lớp bề mặt; - Chiều dài và chiều rộng tấm sàn vuông; - Độ vuông góc của tấm sàn; - Độ thẳng của lớp bề mặt; - Độ phẳng của tấm sàn; - Khe hở giữa các tấm ván; - Chênh lệch độ cao giữa các tấm ván; - Thay đổi kích thước khi có sự thay đổi ẩm	EN 13229: 2006
	- Độ cứng tĩnh	EN 433
	- Độ cứng bề mặt; - Độ mài mòn; - Độ cứng va đập; - Chống bám dính bẩn	EN 13229: 2006
	- Chống cháy thuốc lá	EN 438
	- Độ trương nở chiều dày	EN 425, BS EN 13229:2006
	- Hàm lượng focmanđêhyt theo phương pháp chiết tách	TCVN 7756-12: 2007, EN 717-2004
44.	**Gỗ tự nhiên**	
	- Xác định độ ẩm	TCVN 8048-1÷15:2009, ISO

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Xác định khối lượng thể tích gỗ	3130:1975
	- Xác định độ bền uốn tĩnh	ISO 3131:1975
	- Độ bền uốn ở độ ẩm 12%	ISO 3133:1975
	- Xác định modun đàn hồi của gỗ	ISO 3349:1975
	- Thí nghiệm nén vuông góc với thớ	ISO 3132:1975
	- Độ bền nén ở độ ẩm 12%	ISO 3345:1975
	- Xác định ứng suất kéo song song	ISO 3346:1975
	- Độ bền kéo ở độ ẩm 12%	ISO 3347:1975
	- Xác định ứng suất kéo vuông góc với thớ	ISO 3348:1975
	- Xác định ứng suất cắt song song thớ (trượt dọc thớ)	ISO 3351:1975 ISO 3350:1975
	- Xác định độ bền cắt song song thớ của gỗ xẻ	ISO 4858:1982, ISO 4859:1982, ISO 4860:1982
	- Xác định độ bền uốn va đập	ISO 4469:1981,
	- Xác định độ cứng va đập	
	- Xác định độ cứng tĩnh của gỗ	
	- Xác định độ co rút	
	- Xác định độ dãn nở của gỗ	
	- Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046:2009
	- Xác định giới hạn bền khi nén dọc thớ	TCVN 363-70 (ISO 3787:1976)
	- Xác định độ hút nước	TCVN 360-70
	- Xác định sức chống tách của gỗ	TCVN 8047:2009
45.	**Gỗ ghép keo**	
	- Xác định kích thước	TCVN 8574:2010
	- Xác định độ ẩm	
	- Xác định khối lượng thể tích ở trạng thái tự nhiên	
	- Khối lượng thể tích trạng thái độ ẩm khô tuyệt đối	
	- Độ bền uốn tại mối nối	ISO 10983
	- Độ bền kéo tại mối nối	
	- Độ bền kéo dọc thớ	TCVN 8574:2010
	- Độ bền nén dọc thớ	
	- Độ bền trượt của mạch keo	TCVN 8576:2010
	- Tách mạch keo	TCVN 8577:2010
46.	**Ván mỏng (Venners)**	
	- Xác định độ ẩm	TCVN 10574:2014
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 5694:2014
	- Xác định kích thước và sai lệch kích thước	TCVN 10574:2014

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Xác định độ vuông góc	
47.	**Bột bả**	
	- Độ mịn; - Cường độ bám dính; - Độ giữ nước; - Độ cứng bề mặt; - Thời gian đông kết	TCVN 2091:2008, TCVN 7239:2014, TCVN 4030:2003, TCVN 6017:2015
48.	**Sơn epoxy**	
	- Độ ổn định trong thùng chứa; - Tính đồng nhất; - Độ mịn	TCVN 9014:2011 TCVN 2091:2008
	- Thời gian khô bề mặt	TCVN 2096:1993
	- Khả năng thi công	TCVN 9014:2011
	- Bề ngoài màng sơn	
	- Thời gian sống	
	- Phù hợp lớp phủ trên	
	- Độ bền va đập	TCVN 2100-2007; ISO 6272-2: 2011(a)
	- Khả năng chịu kiềm; - Khả năng chịu xăng; - Khả năng chịu nước muối; - Hàm lượng chất không bay hơi; - Xác định tính nhựa Epoxy; - Độ bóng; - Độ bền mù muối	TCVN 9014:2011
49.	**Sơn Alkyd**	
	- Màu sắc	TCVN 2102:2008
	- Độ mịn	TCVN 2091:2008
	- Độ nhớt	TCVN 2092:2008
	- Độ phủ	TCVN 2095:1993
	- Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 2093:1993
	- Thời gian khô	TCVN 2096:1993
	- Độ bám dính	TCVN 2097: 2015
	- Độ cứng	TCVN 2098:2007
	- Độ bền uốn của màng sơn	TCVN 2099:2007
	- Độ bền va đập	TCVN 2100-2:2007
	- Độ bóng	TCVN 2101:2008
50.	**Sơn tường - Sơn nhũ tương**	
	- Màu sắc	TCVN 2102:2008
	- Trạng thái thùng sơn; - Đặc tính thi công; - Độ ổn định ở nhiệt độ thấp (-5°C); - Ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2012
	- Thời gian khô	TCVN 2096:1993
	- Độ mịn	TCVN 2091:2008
	- Độ bám dính	TCVN 2097:1993
	- Độ phủ	TCVN 2095:1993

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Độ bền nước; - Độ bền kiềm; - Độ bền rửa trôi; - Chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-2÷5:2012
	- Độ thấm nước	Phụ lục A của TCVN 8652:2012
51.	**Silicone**	
	- Độ chảy; - Khả năng dùn chảy;- Độ cứng Shore A silicon xảm khe; - Ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến: Tổn hao khối lượng; Tạo vết nứt; Phấn hoa; - Thời gian không dính bề mặt; - Cường độ bám dính silicon xảm khe	TCVN 8267-1÷6:2009
52.	**Nhựa bi tum**	
	- Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D 5 - 97
	- Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D 113 - 99
	- Xác định nhiệt độ hoá mềm	TCVN 7497:2005; ASTM D 36 - 00
	- Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D 92 - 02b
	- Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt: ở 163°C trong 5 giờ	TCVN 7499:2005; ASTM D 6 - 00
	- Xác định lượng hoà tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2005; ASTM D 2042 - 01
	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; ASTM D 2042 - 01
	- Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D 2170 - 01a
	- Xác định hàm lượng parafin	TCVN 7503:2005
	- Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
53.	**Nhựa đường lỏng**	
	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2÷5:2011
	- Xác định hàm lượng nước	
	- Thử nghiệm chưng cất	
	- Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	
54.	**Nhũ tương nhựa đường axit**	
	- Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2÷15:2011
	- Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	
	- Xác định lượng hạt quá cỡ	
	- Xác định điện tích hạt	
	- Xác định độ khử nhũ	

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Thử nghiệm trộn với xi măng; - Xác định độ bám dính và tính chịu nước; - Thử nghiệm chưng cất; - Thử nghiệm bay hơi	
	- Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh, chậm	
	- Xác định trộn lẫn với nước	
	- Xác định khối lượng thể tích	
	- Xác định độ bám dính với với cốt liệu hiện trường	
55.	**Bê tông nhựa**	
	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1÷12:2011; AASHTO T 245-08 AASHTO T 164-11; ASTM D 2172-11
	- Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	
	- Xác định thành phần hạt	
	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	
	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái dầm nén	
	- Xác định độ cháy nhựa; - Xác định độ góc cạnh của cát; - Xác định độ chặt lu chèn; - Xác định độ rỗng dư; - Xác định độ rỗng cốt liệu; - Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; - Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	
56.	**Vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa**	
	- Kiểm tra hình dáng bên ngoài; - Thành phần hạt; - Hàm lượng MKN; - Hàm lượng nước trong bột khoáng; - Độ rỗng khi nén chặt dưới áp lực 400 kG/cm^3; - Hệ số háo nước; - Thành phần chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:1994
	- Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa; - Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; - Khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ rỗng dư, chỉ số hàm lương nhựa; - Độ ổn định của bột khoáng và nhựa sau khi ngâm nước	
57.	**Cửa sổ, cửa đi**	
	- Xác định độ lọt khí; - Độ kín nước; - Độ bền áp lực gió	TCVN 7452-1÷6: 2004 ISO 140-3:1995 TCVN 9366-1:2012
	- Độ bền góc hàn thanh profile, MPa	

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Xác định lực đóng; - Thử nghiệm đóng và mở lặp lại; - Độ giảm âm trong không khí; - Độ bền chịu va đập	
58.	**Thanh profile polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng để chế tạo cửa đi và cửa sổ**	
	- Độ bền va dập Charpy	EN ISO 179-1:2010
	- Nhiệt hóa mềm Vicat	EN ISO 306:2004
	- Độ hấp thụ nước	ASTM D 570; ISO 62
	- Sự thay đổi kích thước thanh profile sau gia nhiệt	BS EN 479:1999
	- Độ bền nhiệt thanh profile	BS EN 478:1995
	- Độ bền va đập bi rơi của thanh profile chính	BS EN 477:1999
	- Kích thước và dung sai thanh profile; - Độ dày thành của thanh Profile; - Độ võng; - Khối lượng thanh Profile chính	BS EN 12608:2003
	- Độ bền kéo, độ dãn dài khi đứt	ISO 527-1:2012, TCVN 450- 1:2009
	- Độ bền uốn, Modun đàn hồi uốn	ISO 178:2003, ASTM D790
	- Độ bền mài mòn sau 1000 chu kỳ	ISO 9352
	- Độ kháng hóa chất	ISO 175; ASTM D543
	- Tính chịu hàn	EN 514:2003; TCVN 7452-4:2004
	- Độ cứng Shore D	ISO 7619-1:2010, TCVN 1595-1:2013
59.	**Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn**	
	- Thí nghiệm gia tải cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347 : 2012
60.	**Cống hộp bê tông cốt thép**	
	- Cống hộp bê tông cốt thép (kiểm tra ngoại quan, khuyết tật nhãn mắc; kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước; xác định khả năng chống thấm; khả năng chịu tải của ống cống)	TCVN 9116:2012
61.	**Ống bê tông cốt thép thoát nước**	
	- Thử khả năng chịu tải của ống cống tròn (kiểm tra ngoại quan, khuyết tật nhãn mác;	TCVN 9113:2012

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước; xác định khả năng chống thấm; thử khả năng chịu tải của ống cống)	
62.	**Ngói đất sét nung**	
	- Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; - Độ đồng đều màu sắc; - Kích thước; - Độ cong vênh	TCVN 1452:2004
	- Vết nổ vôi; - Xác định độ hút nước; - Tải trọng uốn gãy; - Xác định khối lượng một mét vuông ngói ở trạng thái bão hòa nước; - Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4313:1995
	- Độ bền băng giá	TCVN 1452:2004
63.	**Ngói tráng men**	
	- Sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7195:2002
	- Xác định độ hút nước; - Tải trọng uốn gãy; - Khối lượng một mét vuông ngói ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313:1995
	- Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016
	- Xác định độ bền hóa	TCVN 6415-13:2016
64.	**Ngói gốm tráng men**	
	- Sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9133:2011
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6415-03:2016
	- Tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:1995
	- Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-09:2016
	- Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016
	- Độ bền băng giá	TCVN 6415-12:2016
	- Xác định độ bền hóa	TCVN 6415-13:2016
65.	**Ngói xi măng cát**	
	- Sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan; - Tải trọng uốn gãy; - Xác định khối lượng một mét vuông ngói ở trạng thái bão hòa nước; - Thời gian xuyên nước	TCVN 1453:1986 TCVN 4313:1995
66.	**Tấm Aluminium composite; Tấm compact, tấm composite, tấm laminate (fomica), tấm cách nhiệt**	
	- Sai lệch kích thước, độ thẳng cạnh, độ vuông góc, độ phẳng	GB/T 17748-2008 ASTM D 790-03; ASTM D648-07 ASTM D 5628-10,
	- Thử bẻ gập; - Mài mòn bề mặt; - Độ bền uốn; - Modun dàn hồi	

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Xác định nhiệt độ làm biến dạng; - Lực chịu xuyên; - Độ dày lớp sơn; - Độ bền va đập; - Tính chịu nước sôi; - Tính chịu axit; - Tính chịu kiềm; - Tính chịu dầu; - Tính chịu dung môi; - Độ bền nén	ISO 4586:2015 ASTM D 621- 64(1998),
67.	**Tấm PVC**	
	- Xác định tính chất tấm PVC	TCVN 5819:1994
68.	**Thang cáp, máng cáp**	
	- Kiểm tra kích thước; - Chiều dày lớp phủ; - Khả năng chịu tải; - Giới hạn chảy, độ bền kéo; - Độ giãn dài tương đối	NEMA VE 1- 2017 ASTM E376:2011 TCVN 197-1:2014
69.	**Lớp mạ kẽm nhúng nóng trên sản phẩm bằng thép**	
	- Xác định tính chất lớp mạ kẽm nhúng nóng trên sản phẩm bằng thép	18 TCN 04-92 ASTM A 123/A 123M-02; JIS H8641:2007
70.	**Mương parabol bê tông cốt sợi**	
	- Xác định tính chất mương parabol bê tông cốt sợi	CECS 38:2004
71.	**Sản phẩm bê tông ứng lực trước**	
	- Xác định tính chất sản phẩm bê tông ứng lực trước	TCVN 9114:2012
72.	**Cấu kiện kênh bê tông vỏ mỏng có lưới thép**	
	- Xác định tính chất cấu kiện kênh bê tông vỏ mỏng có lưới thép	TCVN 6394:1998
73.	**Băng chặn nước, vật liệu cao su**	
	- Độ bền kéo	TCVN 4509:2013, TCVN 9407:2014, ASTM D 412-06, ASTM D 638-14, JIS K 6251; ISO 37:2005
	- Độ dãn dài khi đứt	
	- Độ cứng Shore A	TCVN 1595-1:2007, ASTM D2240-15, ISO 868:2003/7619-1:2004
	- Tỷ lệ thay đổi khối lượng sau lão hóa nhiệt	TCVN 9407-3:2014, ASTM D1204-14/C1522
	- Khối lượng riêng	TCVN 4866:2007, ISO 2781:2008
	- Độ bền hóa chất, trương nở	TCVN 9407:2014, TCVN 2752:2008, ASTM D47- 12; ASTM D543; ISO 175
	- Độ bền xé rách	TCVN 1597-1:2006

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
		ISO 34-1:2004
	- Độ hấp phụ nước	ISO 62; ASTM D570
74.	**Vật liệu chống thấm, sửa chữa latex**	
	- Xác định tính chất vật liệu chống thấm, sửa chữa latex	ASTM C1042
75.	**Vật liệu chống thấm gốc xi măng-polyme**	
	- Cường độ bám dính sau khi ngâm nước	BS EN 14891
	- Cường độ bám dính sau khi lão hóa nhiệt	
	- Khả năng tạo cầu vết nứt	
	- Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	
76.	**Vải địa kỹ thuật, bấc thấm và vỏ bọc bấc thấm**	
	- Xác định hệ số thấm đơn vị	ASTM D4491:91
	- Xác định cường độ kéo đứt và độ giãn dài khi kéo đứt	ASTM D4595:09
	- Độ bền chịu kéo giật, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật và bấc thấm, Độ giãn dài của vải địa	ASTM D 4623-08, TCVN 8871- 1:2011
	- Xác định lực xé rách hình thanh	ASTM D 4533-15, TCVN 8871- 2:2011
	- Khả năng chống xuyên (CBR)	ASTM C 62- 09(2014), TCVN 8871- 3:2011
	- Xác định lực kháng xuyên thung thanh	TCVN 8871- 4:2011
	- Xác định kịch thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp sàng khô	TCVN 8871- 6:2011
	- Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871- 5:2011
	- Xác định khối lượng đơn vị	ASTM D526- 10, ASTM D 5199-12, TCVN 8221:2009
	- Xác định kích thước lỗ lọc của vải	ASTM D4751:91
	- Xác định khối lượng đơn vị diện tích vải địa không dệt	ASTM D5261:91
	- Xác định sức chọc thủng bằng phương pháp côn rơi	BS 6906 part 6-97, TCVN 8484:2010
	- Xác định khối lượng đơn vị diện tích vải địa có dệt	ASTM D3776:09
	- Xác định cường độ kéo đứt và độ giãn dài khi kéo đứt	ASTM D4595:09
	- Xác định hệ số thấm đơn vị	ASTM D4491:91
	- Khả năng thoát nước dưới áp lực	ASTM D4716:08
	- Xác định khối lượng thể tích của màng	ASTM D792:08

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	chống thấm	
	- Xác định cường độ chịu kéo đứt và độ giãn dài khi kéo đứt của màng chống thấm	ASTM D6693:04
	- Xác định cường độ chịu xé của màng chống thấm	ASTM D1004-13
	- Xác định cường dộ đâm thủng màng chống thấm	ASTM D4833-07
	- Độ bền tia cực tím	TCVN 8482:2010
77.	**Vữa, keo dán gạch**	
	- Cường độ bám dính sau 28 ngày; - Cường độ bám dính sau khi ngâm nước; - Cường độ bám dính sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 7899-2:08, ISO 13007-2:2008
	- Thời gian mở; - Độ trượt; - Cường dộ bám dính sau chu kỳ tan băng	
78.	**Keo chít mạch**	
	- Cường độ nén sau 28 ngày; - Cường độ uốn sau 28 ngày; - Độ co ngót; - Độ chịu mài mòn; - Độ hút nước sau 30 min; - Độ hút nước sau 240 min	TCVN 7899-4:08, ISO 13007-4:2008
	- Cường độ chịu nén sau chu kỳ dóng tan băng; - Cường độ chịu uốn sau chu kỳ đóng tan băng	
79.	**Vật liệu chống thấm - Sơn bitum cao su; Sơn nhũ tương cao su**	
	- Độ mịn; - Độ nhớt quy ước; - Độ phủ; - Thời gian khô; - Độ bền uốn; - Độ bám dính; - Độ chịu nhiệt; - Độ xuyên nước; - Độ bền lâu	TCVN 6557:2000
80.	**Tấm trải chống thấm**	
	- Tải trọng kéo đứt; - Độ giãn dài khi đứt; - Độ bền chọc thủng động hơn tấm trải; hống thấm trên cơ sở bi tum; - Độ bền nhiệt tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum; - Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067-1÷4:2012
81.	**Cốt liệu nhẹ cho Bê tông- sỏi, dăm sỏi và cát Keramzit**	
	- Xác định thành phần cỡ hạt; - Xác định khối lượng thể tích; - Xác định độ bền xi lanh; - Xác định khối lượng mất khi đun sôi; - Xác định độ hút nước; - Xác định độ ẩm	TCVN 6221:1997
82.	**Bó vỉa**	

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	- Kích thước hình học và mức sai lệch; - Khuyết tật ngoại quan; - Khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
83.	**Cọc tròn bê tông dự ứng lực, cọc ván bê tông dự ứng lực**	
	- Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118 : 1993
	- Kiểm tra khuyết tật, ngoại quan và nhãn mác	TCVN 7888:2014, JIS A 5373:2010 TCVN 6260 : 2009, TCVN 2682 : 2009, TCVN 4316 : 2007, TCVN 4033 : 1995, TCVN 6067 : 2004, TCVN 7570:2006, ASTM C 33, TCVN 4506:2012, TCVN 8826:2011, JIS G 3112, ASTM A 416, JIS G3137, JIS G3536
	- Kiểm tra kích thước cọc PC, PHC	
	- Kiểm tra độ bền uốn nứt thân cọc, PC, PHC, kiểm tra độ bền uốn thân cọc PHC nén dọc trục	
	- Kiểm tra khả năng bền cắt thân cọc PHC, độ bền gãy uốn thân cọc	
	- Kiểm tra độ bền uốn mối nối	
	- Xi măng, nước, phụ gia, cốt liệu	
84.	**Cột điện bê tông cốt thép li tâm**	
	- Sai lệch kích thước, ngoại quan, khuyết tật	TCVN 5847:2016 TCVN 6260 : 2009, TCVN 2682 : 2009, TCVN 4316 : 2007, TCVN 4033 : 1995, TCVN 6067 : 2004, TCVN 7570:2006, ASTM C 33, TCVN 4506:2012, TCVN 8826:2011, JIS G 3112, ASTM A 416, JIS G3137, JIS G3536
	- Xác định cường độ bê tông	
	- Xác định khả năng chịu tải	
	- Thử uốn gãy, nứt	
	- Xi măng, nước, phụ gia, cốt liệu	
85.	**Ống gang cầu, phụ tùng, nối ống, phụ kiện bằng gang dẻo công trình nước thải**	
	- Sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan; - Thử kéo; - Độ cứng brinell	TCVN 10177:2013 (ISO 2531:2009); TCVN 10180:2013 (ISO 7186:2011) TCVN 256-1 (ISO 6506-1)
	- Thử độ kín ở nhà máy của các ống và phụ tùng ống dùng cho đường nước thải có áp	
	- Thử độ kín ở nhà máy của các đường ống và phụ tùng nối ống dùng cho đường nước thải chân không	
	- Độ kín thành phần ống trọng lực, các mối nối với áp suất bên trong, bên ngoài; bên trong âm; độ cứng vững, độ bền chịu hóa chất của dòng nước thải, độ bền chịu mài mòn	

TT	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
86.	**Hỗn hợp bê tông trộn sẵn**	
	- Tính công tác, cường độ bê tông, kích thước lớn nhất hạt cốt liệu, thời gian đông kết, độ tách nước và vữa, hàm lượng bọt khí, khối lượng thể tích, mác hỗn hợp bê tông, xi măng, nước phụ gia.	TCVN 9340:2012
87.	**Ống thép đen và mạ kẽm nhúng nóng, hàn nối và không hàn nối, ống thép ren, ống thép có chụp nối đầu bằng tích hợp hoặc ghép ren với bước ren**	
	- Xác định tính chất Ống thép đen và mạ kẽm nhúng nóng, hàn nối và không hàn nối, ống thép ren, ống thép có chụp nối đầu bằng tích hợp hoặc ghép ren với bước ren	ASTM A53/A53M-99, BS 1387:1985
88.	**Khung nắp hố ga, lưới chắn rác bằng gang cầu hoặc xám**	
	- Sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 10333-1,2, 3:2016
	- Xác định cường độ chịu nén	TCVN 9490:2012 (ASTM C900-06), TCVN 3118:1993
	- Xác định cường độ composite nhựa nhiệt rắn cốt sợi thủy tinh	ASTM D695 (nén), ASTM D790 (uốn)
	- Xác định độ mài mòn bê tông	TCVN 3114:199-
	- Xác định khả năng chịu tải	TCVN 10333-3:2016
89.	**Trụ nước chữa cháy**	
	- Xác định tính chất trụ nước chữa cháy	TCVN 6379:1998
90.	**Cọc vuông bê tông cốt thép đúc sẵn**	
	- Kiểm tra tải trọng nén tĩnh cọc	TCVN 9393:2012 TCVN 9394:2012 ASTM D4945-00, TCVN 4453:1995
	- Kiểm tra kích thước, ngoại quan của cọc	
	- Kiểm tra động cọc đóng PDA	
	- Kiểm tra độ toàn khối của cây cọc- PIT	
	- Độ lệch so với vị trí thiết kế của trục cọc	
	- Tính chất, kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn phần	
91.	**Ống thép cứng**	
	- Xác định tính chất ống thép cứng	JIS C 8305:1999

PHỤ LỤC

LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM VẬT LIỆU XÂY DỰNG

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 18. /CNĐKTN-BXD, ngày 15/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
1.	**Xi măng poóc lăng**	
	1. Cường độ nén	TCVN 6016:2011
	2. Độ ổn định thể tích Le chatelier	TCVN 6017:2015
	3. Hàm lượng anhydric sunphuric (SO_3)	TCVN 141:2008
	4. Hàm lượng magiê oxit (MgO)	
	5. Hàm lượng mất khi nung (MKN)	
	6. Hàm lượng cặn không tan (CKT)	
2.	**Xi măng poóc lăng hỗn hợp**	
	1. Cường độ nén	TCVN 6016:2011
	2. Độ ổn định thể tích Le chatelier	TCVN 6017:2015
	3. Hàm lượng anhydric sunphuric (SO_3)	TCVN 141:2008
3.	**Xi măng poóc lăng bền sun phát**	
	1. Cường độ nén	TCVN 6016:2011
	2. Độ ổn định thể tích Le chatelier	TCVN 6017:2015
	3. Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 141:2008 TCVN 6067:2004
	4. Hàm lượng magiê oxit (MgO)	
	5. Hàm lượng anhydric sunphuric (SO_3)	
	6. Hàm lượng cặn không tan (CKT)	
	7. Hàm lượng C_3A	
	8. Tổng hàm lượng ($C_4AF + 2C_3A$)	
4.	**Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát**	
	1. Cường độ nén	TCVN 7711:2013
	2. Độ ổn định thể tích Le chatelier	TCVN 6017:2015
	3. Độ bền sun phát	TCVN 7713:2007
5.	**Xỉ hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng**	
	1. Hệ số kiềm tính K	TCVN 4315:2007
	2. Chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 4315:2007
	3. Hàm lượng magiê oxit (MgO)	TCVN 141:2008
6.	**Tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng**	
	Tro bay dùng cho bê tông và vữa xây:	
	1. Hàm lượng canxi ôxit tự do (CaO_{td})	TCVN 141:2008
	2. Hàm lượng lưu huỳnh, hợp chất lưu huỳnh tính quy đổi ra SO_3	
	3. Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 8262:2009

	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
	4. Hàm lượng kiềm có hại (kiềm hoà tan)	TCVN 6882:2016
	5. Hàm lượng ion clo (Cl^-)	TCVN 8826:2011
	Tro bay dùng cho xi măng:	
	1. Hàm lượng mất khi nung (MKN)	TCVN 8262:2009
	2. Hàm lượng SO_3	TCVN 141:2008
	3. Hàm lượng canxi ôxit tự do (CaO_{td})	TCVN 6882:2016
	4. Hàm lượng kiềm có hại (kiềm hoà tan)	
	5. Chỉ số hoạt tính cường độ đối với xi măng	TCVN 6882:2016
7.	**Thạch cao phospho dùng để sản xuất xi măng**	
	1. Hàm lượng $CaSO_4.2H_2O$	TCVN 9807:2013
	2. Hàm lượng phospho pentoxide hòa tan (P_2O_5 hòa tan)	TCVN 11833:2017
	3. Hàm lượng phospho pentoxide tổng (P_2O_5 tổng)	
	4. Hàm lượng fluoride tan trong nước (F- hòa tan)	
	5. Hàm lượng fluoride tổng (F-tổng)	
	6. pH, không nhỏ hơn	TCVN 9339:2012
	8. Chênh lệch thời gian kết thúc đông kết so với xi măng đối chứng	TCVN 6017:2015
	9. Mức ăn mòn cốt thép so với xi măng đối chứng	TCVN 11833:2017
8.	**Kính nổi**	
	1. Sai lệch chiều dày	TCVN 7219:2002
	2. Khuyết tật ngoại quan	
	3. Độ truyền sáng	
9.	**Kính màu hấp thụ nhiệt**	
	1. Sai lệch chiều dày	TCVN 7219:2002
	2. Khuyết tật ngoại quan	
10.	**Kính phủ phản quang**	
	1. Sai lệch chiều dày và độ cong vênh của kính nền	TCVN 7219:2002
	2. Khuyết tật ngoại quan	
	3. Hệ số phản xạ năng lượng ánh sáng mặt trời	TCVN 7528:2005
	4. Độ bền mài mòn	
11.	**Kính phủ bức xạ thấp**	
	1. Sai lệch chiều dày	TCVN 7219:2002
	2. Khuyết tật ngoại quan	TCVN 9808:2013

	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
12.	**Kính gương tráng bạc**	
	1. Sai lệch chiều dày	TCVN 7219:2002
	2. Khuyết tật ngoại quan	
	3. Độ bám dính của lớp sơn phủ	TCVN 7625:2007
13.	**Gạch gốm ốp lát ép bán khô**	
	1. Độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
	2. Độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
	3. Độ chịu mài mòn:	
	- Độ chịu mài mòn sâu (đối với gạch không phủ men)	TCVN 6415-6:2016
	- Độ chịu mài mòn bề mặt (đối với gạch phủ men)	TCVN 6415-7:2016
	4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016
	5. Hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016
14.	**Gạch gốm ốp lát đùn dẻo**	
	1. Độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
	2. Độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
	3. Độ chịu mài mòn:	
	- Độ chịu mài mòn sâu (đối với gạch không phủ men)	TCVN 6415-6:2016
	- Độ chịu mài mòn bề mặt men (đối với gạch phủ men)	TCVN 6415-7:2016
	4. Hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016
	5. Hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016
15.	**Đá ốp lát tự nhiên**	
	1. Độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
	2. Độ chịu mài mòn	TCVN 4732:2016
16.	**Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa**	
	1. Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
	2. Hàm lượng các tạp chất: - Sét cục và các tạp chất dạng cục - Hàm lượng bụi, bùn, sét	TCVN 7572-8:2006
	3. Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
	4. Hàm lượng ion clo (Cl^-)	TCVN 7572-15:2006
	5. Khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006
17.	**Cát nghiền cho bê tông và vữa**	
	1. Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
	2. Hàm lượng hạt có kích thước nhỏ hơn 75 µm	TCVN 9205:2012
	3. Hàm lượng ion clo (Cl^-)	TCVN 7572-15:2006
	4. Khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006

	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
18.	**Gạch đặc đất sét nung**	
	1. Độ bền nén và uốn	TCVN 6355-2÷3:2009
	2. Độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
19.	**Gạch rỗng đất sét nung**	
	1. Cường độ nén và uốn	TCVN 6355-2÷3:2009
	2. Độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	3. Chiều dày thành, vách	TCVN 6355-1:2009
20.	**Gạch bê tông**	
	1. Cường độ nén	TCVN 6477:2016
	2. Độ thấm nước	
	3. Độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
21.	**Sản phẩm bê tông khí chưng áp**	
	1. Cường độ nén	TCVN 9030:2017
	2. Khối lượng thể tích khô	
	3. Độ co khô	
22.	**Sản phẩm bê tông bọt và bê tông khí không chưng áp**	
	1. Cường độ nén	TCVN 9030:2017
	2. Khối lượng thể tích khô	
	3. Độ co khô	
23.	**Tấm sóng amiăng xi măng**	
	1. Thời gian xuyên nước, h, không nhỏ hơn	TCVN 4435:2000
	2. Tải trọng uốn gãy theo chiều rộng tấm sóng	
24.	**Amiăng crizôtin để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng**	
	1. Loại amiăng dùng để sản xuất tấm sóng amiăng xi măng	TCVN 9188:2012
25.	**Tấm thạch cao**	
	1. Cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2009
	2. Độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2009
	3. Độ hút nước (chỉ áp dụng cho tấm thạch cao chịu ẩm; ốp ngoài; lớp lót trong nhà)	TCVN 8257-6:2009
	4. Hợp chất lưu huỳnh dễ bay hơi (Orthorhombic cyclooctasulfur – S_8)	ASTM C471M-16a
26.	**Sơn tường dạng nhũ tương**	
	1. Độ bám dính, không vượt mức	TCVN 2097:2015
	2. Độ rửa trôi:	TCVN 8653-4:2012
	- Sơn phủ nội thất	
	- Sơn phủ ngoại thất	
	3. Chu kỳ nóng lạnh sơn phủ ngoại thất	TCVN 8653-5:2012

	Lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm vật liệu xây dựng	Tiêu chuẩn (Phương pháp thử)
27.	**Ống Polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) dùng cho hệ thống cấp nước được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất**	
	1. Độ bền ngắn hạn với áp suất bên trong ở nhiệt độ 20^0C trong 1 h	TCVN 6149-1÷2:2007
	2. Thử kéo một trục:	TCVN 7434-1÷2:2004
	- Ứng suất tối đa, MPa, không nhỏ hơn	
	- Độ căng khi đứt, %, không nhỏ hơn	
28.	**Ống nhựa Polyetylen (PE) dùng để cấp nước**	
	1. Độ bền thủy tĩnh: ở 20^0C, trong 100 giờ; ở 80^0C, trong 165 giờ	TCVN 6149-÷2:2007
	2. Độ dãn dài khi đứt	TCVN 7434-1:2004
29.	**Ống nhựa Polypropylen (PP) dùng để dẫn nước nóng và nước lạnh**	
	1. Độ bền với áp suất bên trong: ở 20^0C, trong 1 giờ; ở 95^0C, trong 22 giờ	TCVN 6149-1÷2:2007
	2. Độ bền va đập	ISO 9854-1÷2
30.	**Sản phẩm hợp kim nhôm dạng profile dùng để chế tạo cửa sổ và cửa đi**	
	1. Độ bền kéo	TCVN 197-1:2014
	2. Độ dãn dài	
	3. Thành phần hóa học	ASTM E1251
31.	**Thanh profile poly(vinyl clorua) không hóa dẻo (PVC-U) dùng để chế tạo cửa sổ và cửa đi**	
	1. Độ bền va đập bi rơi của thanh profile chính	BS EN 477
	2. Ngoại quan mẫu thử sau khi lưu hóa nhiệt ở 150^0C	BS EN 478
	3. Độ ổn định kích thước sau khi lưu hóa nhiệt	BS EN 479
	4. Độ bền góc hàn thanh profile, MPa, không nhỏ hơn	TCVN 7452-4:2004